

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/DS-ST

Ngày: 20-9-2019

“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh Thy

2. Ông Tống Văn Truyền

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST-DS ngày 08/8/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2019/QĐST-DS ngày 30/8/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, Thành phố H.

Người đại diện theo uỷ quyền (Theo Văn bản uỷ quyền số 4446/2019/UQ-VPB ngày 12/02/2019):

1/ Ông Bùi Tuấn V – Chuyên viên tổ tụng – VPBank AMC; (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 296 P, Phường 7, quận P, Thành phố H;

2/ Ông Trần Duy Anh Cviên tổ tụng – VPBank AMC; (vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 296 P, Phường 7, quận P, Thành phố H;

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh L. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12-02-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V do ông Bùi Tuấn V đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 04/10/2016, bà N đăng ký mở tài khoản và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn (gọi tắt giấy đề nghị vay vốn) đề nghị vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 30.2%/năm, mục đích vay tiêu dùng. Ngày 12/10/2016, Ngân hàng thông báo chấp thuận cho bà N vay số tiền 40 triệu, lãi suất 30%/năm, thời hạn vay 36 tháng. Kèm theo Thông báo chấp thuận là lịch trả nợ và bản điều khoản và điều kiện về sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và vay tiêu dùng cá nhân. Bà N đã đọc rõ, hiểu và đã đồng ý ký nhận các văn bản này.

Sau khi chấp thuận cho vay, ngày 12/10/2016 Ngân hàng đã giải chấp cho bà N số tiền 40 triệu đồng vào tài khoản 108738607. Ngày 13/10/2016, bà N rút tiền từ tài khoản trên. Bà N phải thanh toán gốc và lãi trong vòng 36 tháng, bình quân mỗi tháng khoảng 1.700.000 đồng theo lịch trả nợ kèm theo. Sau khi vay vốn bà N đã thanh được 10 lần với tổng số tiền 20.619.871 đồng bao gồm 8.643.836 đồng tiền gốc và 11.976.035 đồng. Từ ngày 18/9/2017 đến nay bà N không thanh toán thêm khoản tiền gốc hay tiền lãi nào khác nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tính đến ngày 16/9/2019 tổng dư nợ của bà N tại ngân hàng là 59.857.744 đồng gồm 31.356.164 đồng nợ gốc và 28.501.580 đồng nợ lãi.

Nay Ngân hàng V yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải thanh toán 31.356.164 đồng số tiền nợ gốc và 28.501.580 đồng nợ lãi tạm tính đến ngày 16/9/2019, tổng cộng là 59.857.744 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 17/9/2019 cho đến khi bà N thanh toán xong toàn bộ số tiền vay theo thỏa thuận giữa hai bên.

Đây là khoản nợ vay cá nhân nên Ngân hàng không yêu cầu chồng bà N có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà, quyết định tạm ngừng phiên toà và giấy báo mở lại phiên toà. Tuy nhiên, bà N đều không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà N về hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ngày 04/10/2016 bà N có văn bản đăng ký mở tài khoản và đề nghị vay vốn số tiền 40 triệu đồng. Ngày 12/10/2016 Ngân hàng đã có văn bản chấp nhận cho bà N vay số tiền 40 triệu đồng, lãi suất 30.0%/năm, trả dần gốc lãi trong vòng 36 tháng từ ngày 12/11/2016 đến ngày 12/10/2019. Xét thấy việc đề nghị vay vốn của bà N và chấp nhận cho vay của ngân hàng phù hợp theo quy định tại Điều 386, 393 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Thời hạn vay tiền của bà N là 36 tháng, thời hạn cuối cùng trả nợ là 12/10/2019. Tuy nhiên, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từng kỳ theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng khởi kiện bà N trả toàn bộ số nợ còn lại theo hợp đồng là phù hợp.

[2.3] Bà N vay của Ngân hàng 40 triệu đồng nhưng chỉ trả được 20.619.871 đồng bao gồm 8.643.836 đồng tiền gốc và 11.976.035 đồng. Số tiền gốc bà N còn nợ Ngân hàng là 31.356.164 đồng nên bà N phải trả số tiền này cho Ngân hàng.

[2.4] Về lãi suất: theo văn bản chấp thuận cho vay của ngân hàng ngày 12/10/2016 thì lãi suất thỏa thuận là 30%/năm. Bà N đã nhận tiền vay và đã thanh toán được 10 kỳ theo kế hoạch trả nợ kèm theo thỏa thuận nên mức lãi suất 30%/năm là căn cứ để tính lãi trên khoản vay. Từ ngày 18/9/2017 bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải trả lãi cho ngân hàng theo lãi suất thỏa thuận 30%/năm. Do đó, ngân hàng yêu cầu bà N thanh toán tiền lãi tính đến ngày 16/9/2019 là 28.501.580 đồng và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận từ ngày 17/9/2019 cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 59.857.744 đồng là 2.993.000 đồng theo quy định tại Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 386, 393, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ngân hàng V. Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 59.857.744 đồng gồm 31.356.164 đồng nợ gốc và 28.501.580 đồng nợ lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 2.993.000 đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi ba ngàn đồng) sung Ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V 1.286.000 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi ngàn chín trăm sáu mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0005144 ngày 28/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L.
- VK SND huyện B.
- THA huyện B.
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hồ Thị Miên